

BẢN SỐ: 01

THỜI HẠN BẢO VỆ BMNN
Từ ngày 06 tháng 01 năm 2025 đến ngày 03 tháng 01 năm 2025

**SỞ GD&ĐT BẾN TRE
THANH TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/KL-TTr

Bến Tre, ngày 06 tháng 01 năm 2025

MẬT

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra chuyên ngành Trường Mầm non Vĩnh Hòa, huyện Ba Tri

Thực hiện Quyết định số 31/QĐ-TTr ngày 03/12/2024 của Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc thanh tra chuyên ngành Trường Mầm non Vĩnh Hòa, huyện Ba Tri, từ ngày 17/12/2024 đến ngày 20/12/2024, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường Mầm non Vĩnh Hòa;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 03/01/2025 của Trường đoàn thanh tra. Chánh Thanh tra Sở GDĐT kết luận thanh tra như sau:

I. Khái quát chung

1. Tình hình chung của trường

- Trường Mẫu giáo Vĩnh Hòa được thành lập và hoạt động từ năm 2002 có 4 lớp mẫu giáo. Đến ngày 01/7/2021 đổi tên thành Trường Mầm non Vĩnh Hòa theo Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Ba Tri về việc thành lập Trường Mầm non Vĩnh Hoà (gọi chung là Nhà trường) trên cơ sở chuyển đổi Trường Mẫu giáo Vĩnh Hoà.

- Quy mô nhóm, lớp, số lượng trẻ:

Năm học 2024-2025, hiện tại, Nhà trường có 06 nhóm, lớp với 187 trẻ. Điểm chính ấp Vĩnh Đức Đông thực hiện bán trú 05 nhóm, lớp với 159 trẻ (01 nhà trẻ/14 trẻ, 01 lớp mầm/30 trẻ, 01 lớp chồi 39 trẻ, lớp lá 1/38 trẻ, lá 2/38 trẻ). Điểm lẻ ấp Bến Vựa Bắc có 01 lớp lá/27 trẻ (học 2 buổi/ngày, tỉ lệ 16,67%).

- Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV): 15 người trong biên chế (CBQL: 02; GV: 11; NV: 02); NV hợp đồng: 05 (01 GV mầm non, 02 bảo vệ, 02 nhân viên nấu ăn). Năm học 2023-2024 trường đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"; 17 CBQL, GV, NV đạt "Lao động tiên tiến"; 11 CBQL, GV, NV đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Nhà trường được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự chỉ đạo sâu sát trực tiếp của Đảng ủy, UBND xã Vĩnh Hòa và sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể,... đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

- Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ; trường lớp xanh, sạch, đẹp, có đủ phòng học, nhà bếp, nơi ăn của trẻ đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động bán trú và nhu cầu nuôi

đường, chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường. Sân chơi, lớp học đủ điều kiện cho trẻ hoạt động hằng ngày.

2.2. Khó khăn

Năm học 2024-2025 có 01 giáo viên nghỉ hộ sản và thiếu 01 giáo viên nên có khó khăn trong công tác giảng dạy và giáo dục cho trẻ.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Tổ chức và hoạt động giáo dục của nhà trường

1.1. Xây dựng bộ máy, tổ chức

- Nhà trường có thành lập Hội đồng trường theo Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND huyện Ba Tri về việc thành lập Hội đồng trường Trường Mầm non Vĩnh Hòa. Hội đồng trường có xây dựng Quy chế hoạt động, kế hoạch hoạt động, kế hoạch kiểm tra, giám sát của Hội đồng trường. Tuy nhiên, Quyết định công nhận Hội đồng trường không có thời gian nhiệm kỳ hoạt động.

- Nhà trường có các tổ chức đoàn thể gồm: Chi bộ trực thuộc Đảng ủy xã Vĩnh Hòa (với 15 đảng viên); Công đoàn cơ sở (có 20 công đoàn viên); Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (có 10 đoàn viên).

- Nhà trường có thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng và có xây dựng Quy chế thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Cơ cấu tổ chức chuyên môn: Có 01 tổ Chuyên môn và 01 tổ Văn phòng¹; mỗi tổ Chuyên môn và tổ Văn phòng có tổ trưởng và tổ phó² đúng theo Điều lệ trường Mầm non Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT (gọi tắt là Điều lệ Trường mầm non).

1.2. Thực hiện các qui định về công khai trong lĩnh vực giáo dục

Trong kỳ thanh tra, Nhà trường thực hiện công khai theo quy định của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 17/7/2024 của Bộ GDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT). Công khai tài chính thực hiện theo quy định tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Tại thời điểm thanh tra, Nhà trường có xây dựng Kế hoạch số 154/KH-MNVK ngày 21/10/2024 thực hiện công

¹ Quyết định số 39/QĐ-MNVH ngày 15/8/2023; Quyết định số 40/QĐ-MNVH ngày 15/8/2023; Quyết định số 34/QĐ-MNVH ngày 03/9/2023; Quyết định số 35/QĐ-MNVH ngày 03/9/2024.

² Quyết định số 41/QĐ-MNVH ngày 15/8/2023; Quyết định số 44/QĐ-MNVH ngày 15/8/2023; Quyết định số 36/QĐ-MNVH ngày 01/9/2024; Quyết định số 39/QĐ-MNVH ngày 01/9/2024.

khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT được đăng trên cổng thông tin điện tử và bảng công khai của đơn vị.

Ngoài ra, Hiệu trưởng thực hiện công khai cho GV, NV biết về các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của ngành, các văn bản chỉ đạo cấp trên qua nhóm zalo của trường, qua các cuộc họp hội đồng và trên bảng công khai của nhà trường.

1.3. Công tác kiểm tra nội bộ

Đầu mỗi năm học, căn cứ hướng dẫn của Phòng GDĐT và thực tế đơn vị. Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ kèm theo danh mục các cuộc kiểm tra cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế³; tổ chức thực hiện kiểm tra theo kế hoạch và lưu trữ hồ sơ kiểm tra.

Tuy nhiên, nội dung kế hoạch kiểm tra chưa có trọng tâm, trọng điểm, còn dàn trải (kế hoạch 02 năm giống nhau); có nội dung kiểm tra không phù hợp (kiểm tra việc thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở); các cuộc kiểm tra chưa chặt chẽ về quy trình (có cuộc kiểm tra thiếu lịch thông báo kiểm tra cho đối tượng kiểm tra hoặc thiếu biên bản kiểm tra; báo cáo của tổ kiểm tra cho Hiệu trưởng làm cơ sở ban hành thông báo kết quả kiểm tra cho đối tượng kiểm tra; nội dung các văn bản trong hồ sơ kiểm tra chưa ghi cụ thể kết quả kiểm tra xác minh mà đã kết luận).

2. Thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

2.1. Việc thực hiện các quy định về hồ sơ sổ sách

Nhà trường thiết lập các loại hồ sơ quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non gồm:

- Hồ sơ quản lý của nhà trường:

Trong kỳ kiểm tra, Nhà trường có thiết lập các loại hồ sơ gồm: Hồ sơ quản lý trẻ em (có danh sách trẻ tại trường; hồ sơ của trẻ được lưu trữ bằng bản giấy, đồng thời được cập nhật trên phần mềm Vnedu và cơ sở dữ liệu chung); hồ sơ phổ cập giáo dục; hồ sơ quản lý chuyên môn của nhà trường; xây dựng các loại kế hoạch⁴; các kế hoạch cụ thể về thực hiện Chương trình giáo dục mầm non (CTGDMN) hàng năm, học kì, hàng tháng; kế hoạch thực hiện các chuyên đề (“Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, “Chương trình Tôi yêu Việt Nam”, “Trường học hạnh phúc”, “Xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích trong trường mầm non”...); các báo cáo định kỳ kết quả đánh giá về hoạt động chuyên môn của trường (báo cáo hàng tháng, quý, năm); báo cáo kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục của trường, các kết quả kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kế hoạch phát triển; hồ sơ quản lý bán trú (biên bản họp triển

³ Kế hoạch số 113/KH-MNVH ngày 06/10/2023 kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024; Kế hoạch số 141/KH-MNVH ngày 01/10/2024 kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học 2024-2025.

⁴ Kế hoạch số 11/KH-MNMH ngày 13/02/2023 Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2023-2024; Kế hoạch số 38/KH-MNMH ngày 26/3/2024 Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2024-2025.

khai công tác bán trú, sổ kiểm thực ba bước, sổ chợ, sổ kho, thực đơn, sổ lưu mẫu, sổ tính định lượng khẩu phần dinh dưỡng hàng tuần, hợp đồng của các nhà cung cấp thực phẩm, các chứng từ mua thực phẩm).

Tuy nhiên, trong xây dựng các kế hoạch còn các hạn chế sau:

+ Kế hoạch an toàn thực phẩm năm 2023-2024 và kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân năm học 2024-2025 chưa đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư.

+ Kế hoạch thực hiện CTGDMN chỉ căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ GDĐT mà chưa cập nhật Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của CTGDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT); Kế hoạch còn thiếu các mục như: mục tiêu, nội dung giáo dục, chế độ sinh hoạt và tổ chức thực hiện.

+ Kế hoạch phát triển giáo dục hàng năm của nhà trường chưa sát với chỉ tiêu kế hoạch Phòng GDĐT giao, dẫn đến việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch chưa phù hợp với thực tế. Việc huy động trẻ vào trường mầm non còn thấp so với chỉ tiêu, đặc biệt là tỷ lệ trẻ nhà trẻ 0-2 tuổi và mẫu giáo 3-5 tuổi đều không đạt yêu cầu⁵.

+ Kế hoạch thực hiện Chương trình sức khỏe học đường, Kế hoạch chăm sóc sức khỏe ban đầu và Chương trình "Tôi yêu Việt Nam" thiếu sự cải tiến.

+ Kế hoạch giáo dục cho các lớp ghép đôi khi chưa đầy đủ nội dung giáo dục đối với từng độ tuổi, tài liệu hướng dẫn cho các lớp ghép còn dùng chung, chưa được phân bổ đầy đủ cho từng nhóm lớp. Các chủ đề giáo dục có thời gian phân bổ không hợp lý (ví dụ: chủ đề nghề nghiệp 05 tuần, chủ đề động vật 05 tuần).

- Hồ sơ quản lý của tổ chuyên môn (TCM):

Các TCM có các loại hồ sơ quản lý chuyên môn theo quy định gồm: kế hoạch giai đoạn, kế hoạch năm, tháng, tuần; các biên bản sinh hoạt chuyên môn của tổ; hồ sơ kiểm tra nội bộ (chuyên môn); hồ sơ đánh giá trẻ; hồ sơ thực hiện các chuyên đề, sổ biên bản các cuộc họp. Kế hoạch hoạt động chung của tổ được xây dựng theo tuần, tháng, năm và được ghi chép cụ thể, rõ ràng, giúp các thành viên trong tổ định hướng xây dựng kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. Tuy nhiên, kế hoạch của TCM chưa được cụ thể hóa từ kế hoạch nhà trường, chưa đảm bảo cấu trúc, trình tự theo quy định.

Các TCM sinh hoạt định kỳ 2 tuần/lần theo đúng qui định. Có kế hoạch họp tổ và ghi nhận biên bản đầy đủ. Tuy nhiên, các cuộc họp chưa được tổ chức theo

⁵ Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ 0-2 tuổi năm học 2023-2024 đạt 16,67% (chỉ tiêu 20%) và mẫu giáo 3-5 tuổi đạt 79,12% (chỉ tiêu 89%). Năm học 2024-2025, tỷ lệ này tiếp tục thấp, với trẻ nhà trẻ 0-2 tuổi chỉ đạt 10,53% (chỉ tiêu 25%) và mẫu giáo 3-5 tuổi đạt 85,56% (chỉ tiêu 90%).

hướng nghiên cứu bài học, nội dung họp tập trung đánh giá hoạt động tổ, triển khai kế hoạch chuyên môn và các nhiệm vụ được phân công, chưa chú trọng trao đổi, thảo luận về đổi mới phương pháp giảng dạy và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, việc bồi dưỡng, nâng cao chất lượng chuyên môn cho GV chưa sâu, chưa phát huy được kỹ năng thực tế cho GV. Việc ghi nhận các đề xuất, biện pháp và giải pháp trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ cũng thiếu tính cụ thể và chưa được triển khai rõ ràng để giúp GV cải tiến chất lượng giảng dạy.

- Hồ sơ sổ sách của GV:

GV thực hiện việc quản lý kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo CTGDMN trên phần mềm Vnedu, K12 online. Đảm bảo đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách như: sổ theo dõi trẻ (điểm danh, khám sức khỏe, đánh giá trẻ); sổ chuyên môn (dự giờ, tham quan học tập), sổ họp; sổ theo dõi tài sản nhóm, lớp. Hồ sơ theo dõi tài sản, thiết bị, đồ chơi của nhóm lớp được ghi chép đầy đủ.

2.2. Việc thực hiện các qui định về chuyên môn

2.2.1. Việc thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe và nuôi dưỡng trẻ

- Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ hàng năm⁶. Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung về y tế trường học được quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ GDĐT ban hành Thông tư liên tịch quy định về công tác y tế trường học. Các hoạt động như kiểm tra sức khỏe định kỳ, cân đo trẻ, chế độ vệ sinh hàng ngày cho trẻ, cho nhóm/lớp được thực hiện đúng quy định. Nhà trường đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ. Trường có phối hợp với y tế địa phương để kiểm tra sức khỏe cho trẻ theo qui định. Có 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú theo từng năm học⁷. Năm học 2024-2025, nhà trường duy trì tổ chức 5/6 lớp bán trú (tập trung tại điểm chính) với tỷ lệ trẻ ăn tại trường là 83,33%; thực hiện đúng các quy định về việc ký hợp đồng thực phẩm, quản lý, lưu mẫu, các điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng. Kiểm tra thực tế và khảo sát khẩu phần dinh dưỡng nhà trường đạt mức năng lượng từ 90 - 97% so với mức quy định (600/651 kcal nhà trẻ và MG đạt 615/726 kcal). Thực đơn xây dựng gồm 02 bữa chính và 1 bữa phụ đối với nhà trẻ và 01 bữa chính, 01 bữa phụ đối với mẫu giáo và được điều chỉnh tỉ lệ các chất tương đối hợp lý.

Tuy nhiên, bếp ăn chưa an toàn (máy xay thịt cũ sét, dây điện hở quấn băng keo). Nhà trường chưa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Bữa ăn học đường theo nội dung hướng dẫn tại Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ

⁶ Kế hoạch số 92/KH-MNMH ngày 31/8/2023 về thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024; Kế hoạch số 192/KH-MNMH ngày 11/9/2024 về thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025.

⁷ Kế hoạch số 95/KH-MNMH ngày 31/8/2023 về tổ chức bán trú năm học 2023-2024; Kế hoạch số 114/KH-MNMH ngày 04/9/2024 về tổ chức bán trú năm học 2024-2025.

GDDT về việc phê duyệt Hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các CSGD mầm non và tiểu học.

- Nhà trường xây dựng các kế hoạch phòng, chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì cho trẻ, có các biện pháp phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn, thương tích. Trong 02 năm học qua, trường không có xảy ra dịch bệnh. Hàng năm, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân đều được kéo giảm đạt chỉ tiêu đề ra⁸.

- Nhà trường xây dựng lịch sinh hoạt cho trẻ tại trường, lớp phù hợp với từng độ tuổi. Các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được thực hiện theo đúng thời gian biểu đã đề ra. Năm học 2023-2024, nhà trường có tổ chức lịch sinh hoạt cho trẻ thực hiện CTGDMN gắn với các hoạt động giáo dục kỹ năng sống như thể dục Aerobic và cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh đảm bảo theo qui định (bắt đầu từ 15h25 hàng ngày).

Tuy nhiên, lịch sinh hoạt cho trẻ trong kế hoạch thực hiện CTGDMN tại phòng âm nhạc, các khu vực cho trẻ chơi chung hoặc khu vực chơi giao thông, góc hoạt động STEAM chỉ tổ chức cho trẻ được chơi tự do, chưa có lịch cụ thể nên ảnh hưởng đến lịch hoạt động của trẻ tại các lớp.

- Căn cứ Công văn số 704/KH-PGD&ĐT ngày 19/9/2022 của Phòng GDĐT về việc triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2022-2025, Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2022-2025, tổ chức các hoạt động phát triển vận động trẻ với nhiều hình thức như thể dục sáng, hoạt động ngoài trời, các trò chơi vận động phù hợp mọi lúc, mọi nơi; tổ chức cho trẻ tham gia hoạt động ngoại khóa (Thể dục nhịp điệu). Các kế hoạch thể hiện được nội dung phát triển thể lực và đảm bảo dinh dưỡng trong trường học.

2.2.2. Việc thực hiện CTGDMN

- Nhà trường triển khai đầy đủ các chỉ đạo của Phòng GDĐT về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo CTGDMN. Xây dựng kế hoạch và chủ động thực hiện các hoạt động chuyên môn phù hợp tình hình đơn vị; Xây dựng tốt môi trường giáo dục, tận dụng không gian cho trẻ hoạt động (xây dựng các khu trải nghiệm, thư viện cho bé, quầy bán hàng, mô hình sa bàn giao thông, góc Steam, vườn rau...). GV tích cực làm đồ dùng đồ chơi và tạo môi trường trải nghiệm cho trẻ hoạt động, lấy trẻ làm trung tâm. Tuy nhiên, nhà trường chưa xây dựng kế

⁸ Đầu năm học 2023-2024, tổng số trẻ thừa cân 26/192 (tỷ lệ: 13,54%), trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân 06/192 (tỷ lệ: 3,13%). Đến cuối năm học 2023-2024, tổng số trẻ thừa cân 18/186 (tỷ lệ 9,86%), trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân 2/186 trẻ (tỷ lệ: 1,08%).

- Đầu năm học 2024-2025, tổng số trẻ thừa cân 33/182 (tỷ lệ: 18,13%). Trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân 4/182 (tỷ lệ: 2,2%); suy dinh dưỡng thấp còi 7/182 (tỷ lệ: 3,85%). Đến đầu tháng 12/2024, tổng số trẻ thừa cân 29/186 trẻ (tỷ lệ: 15,59%); trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân 02/186 trẻ (tỷ lệ: 1,08%), trẻ suy dinh dưỡng thấp còi 03/186 trẻ (tỷ lệ: 1,61%)

hoạch hoạt động chi tiết cho trẻ các lớp ở các khu vực này, thiếu nội dung cụ thể và mục tiêu rõ ràng, làm giảm hiệu quả giáo dục khi trẻ chỉ được chơi tự do mà không có định hướng phát triển kỹ năng; còn kế hoạch giáo dục chưa điều chỉnh kịp thời các mục tiêu, nội dung, kết quả mong đợi trong thực hiện hoạt động giáo dục theo CT GDMN phù hợp với thực tiễn trường, lớp.

- Nhà trường quan tâm thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổ chức các hoạt động dạy học; xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và quản lý kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trên phần mềm Vnedu, K12online.

- Nhà trường có kế hoạch và triển khai đầy đủ các hoạt động giáo dục, vui chơi, ngày lễ, ngày hội theo quy định của chương trình.

- Nhà trường triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục đúng theo quy định chương trình, xây dựng kế hoạch thực hiện các chủ đề có lồng ghép các nội dung như “Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ”, giáo dục bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, giáo dục bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo, giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thảm họa thiên tai, “Quyền con người, quyền trẻ em trong CSGD mầm non”, “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc theo tiếp cận đa văn hóa”,...; có kế hoạch tiếp tục duy trì thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, chương trình “Tôi yêu Việt Nam”. Bước đầu ứng dụng giáo dục STEAM vào thực hiện CT GDMN.

Tuy nhiên, trong thực hiện các chuyên đề, các chương trình trong năm học của Nhà trường chưa có các mô hình điểm điển hình để nhân rộng; các kế hoạch chuyên đề hằng năm chưa có nội dung sáng tạo, đổi mới.

- Tổ chức đánh giá trẻ, đánh giá CTGDMN: Thực hiện tổng hợp đánh giá trẻ đúng với độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo (nhà trẻ: chỉ đạo đánh giá cuối ngày, đánh giá cuối độ tuổi; mẫu giáo: chỉ đạo giáo viên thực hiện hồ sơ đánh giá trẻ cuối chủ đề đầy đủ, đánh giá trẻ hàng ngày thông qua phiếu đánh giá trẻ, in đánh giá trên Vnedu gửi phụ huynh). Đối với việc đánh giá thực hiện CTGDMN, Nhà trường chưa thực hiện chặt chẽ, thiếu nội dung đề xuất giải pháp và thực hiện điều chỉnh chương trình của nhà trường.

- Thực hiện các biện pháp chỉ đạo và thực hiện nâng chất lượng giáo dục trẻ: việc thực hiện đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ:

Nhà trường triển khai và xây dựng các kế hoạch cụ thể thực hiện CTGDMN nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ gồm: tổ chức hội giảng, bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL và GV, thi GV giỏi cấp trường, thao giảng, dự giờ... Bên cạnh đó, các chuyên đề được quan tâm như “Xây dựng trường học hạnh phúc” gắn với “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”, chương trình “Tôi yêu Việt Nam”, triển khai giáo dục STEAM

gắn với thực tiễn. Tuy nhiên, môi trường hoạt động cho trẻ vẫn còn hạn chế, chưa đồng bộ và thiếu đầu tư; các hoạt động trải nghiệm, khám phá ngoài trời chưa được tổ chức phong phú, đồ chơi và các góc hoạt động ngoài trời chưa đa dạng, cần được cải thiện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển toàn diện của trẻ.

- Thực hiện chỉ đạo của Bộ GDĐT về việc không dạy trước chương trình lớp 1: Trong kỳ thanh tra, Nhà trường thực hiện đúng CTGDMN, không có trường hợp dạy trước Chương trình lớp 1.

- Triển khai thực hiện cho trẻ làm quen Tiếng Anh và quản lý các hoạt động ngoại khóa ngoài chương trình:

+ Năm học 2023-2024, Nhà trường triển khai, tạo điều kiện cho trẻ mẫu giáo làm quen với Tiếng Anh 2 tiết/tuần theo đúng kế hoạch, phân bố thời gian tham gia học của trẻ đảm bảo phù hợp theo Kế hoạch số 122/KH-MNVH ngày 27/10/2023 của Trường Mầm non Vĩnh Hòa về việc thực hiện Chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen Tiếng Anh, được Phòng GDĐT phê duyệt tại Công văn số 855/PGD&ĐT ngày 07/11/2023 về việc tổ chức triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với Tiếng Anh năm học 2023-2024. Thời gian tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen Tiếng Anh vào chiều thứ hai và thứ tư trong tuần sau 15 giờ 25 phút, tham gia từ tháng 12/2023 đến tháng 5/2024.

+ Năm học 2024-2025: tại thời điểm thanh tra, Nhà trường đã triển khai Công văn số 4614/KH-UBND ngày 04/12/2024 của UBND huyện về việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài chương trình trong các CSGD công lập trên địa bàn huyện từ năm học 2024-2025, nhưng chưa tổ chức các hoạt động ngoại khóa.

- Tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục, hỗ trợ trẻ khuyết tật: Trong kỳ thanh tra, Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

2.2.3. Việc thực hiện công tác tuyên truyền các chính sách, chủ trương phát triển cấp học, về vai trò, vị trí cấp học, về cấp học, về kiến thức nuôi dạy con cho các bậc cha mẹ

Hàng năm, Nhà trường phối hợp với chính quyền, đoàn thể ở địa phương tuyên truyền về các chủ trương chính sách của bậc học mầm non và vận động trẻ đến trường; huy động nguồn lực đầu tư cho giáo dục mầm non (GDMN), đáp ứng nhu cầu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi. Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông đến phụ huynh về chăm sóc, phòng bệnh, phương pháp chăm sóc nuôi dạy con theo khoa học và các nội dung giáo dục hàng tháng. Công tác tuyên truyền, phối hợp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, đặc biệt là các trẻ suy dinh dưỡng thừa cân, béo phì trong nhà trường chưa được chặt chẽ.

Ngoài các bảng tuyên truyền chung của nhà trường, tại mỗi lớp đều có góc tuyên truyền đến các bậc phụ huynh được duy trì thường xuyên với nội dung cập nhật liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của trẻ, các nội dung giáo dục trẻ, tuyên truyền về các chuyên đề trong năm học, an toàn giao thông, phòng bệnh... Ngoài ra

nhà trường còn thực hiện hình thức tuyên truyền qua bảng tuyên truyền các lớp, qua họp cha mẹ trẻ em, zalo nhóm lớp, facebook của trường.

3. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

3.1. Về đội ngũ

3.1.1. Quản lý, sử dụng đội ngũ

- Tổng biên chế được giao: 16 biên chế và 01 hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND huyện Ba Tri về việc điều chỉnh số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ (theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày ngày 30/12/2020 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công) trong các đơn vị sự nghiệp GDDT thuộc UBND huyện Ba Tri năm 2024. Tại thời điểm thanh tra, hiện có 15/16 biên chế, 01 hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ. Cụ thể:

- + CBQL: 02 (Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng), trên chuẩn 100%.
- + GV: 11; trên chuẩn 09 (tỷ lệ 81,82%); đạt chuẩn trở lên: 11 (tỷ lệ 100%).
- + NV: 02 (Kế toán- Văn thư, Y tế- Thủ quỹ).
- + Hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ: 01 GV, đạt chuẩn: 01/01 (100%).
- + NV hợp đồng ngoài biên chế: 04 (02 Bảo vệ và 02 NV nấu ăn).

- Hiệu trưởng phân công, sắp xếp, bố trí GV phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo và năng lực cá nhân⁹ (*phân công 02 giáo viên/nhóm, lớp*); ban hành đầy đủ các quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn; quyết định phân công nhiệm vụ từng CBQL, GV, NV.

- Nhà trường thiết lập và quản lý đầy đủ hồ sơ của GV, NV theo quy định tại Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ Nội vụ về việc ban hành biểu mẫu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức; Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức.

Tuy nhiên, tại thời điểm thanh tra, thành phần hồ sơ viên chức chưa được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV (thiếu Bản tự nhận xét, đánh giá, kết quả nhận xét, đánh giá; các quyết định nâng lương, tăng thâm niên nhà giáo; phiếu kê khai bổ sung lý lịch hàng năm và lý lịch viên chức (*mẫu HS02*) chưa được thủ trưởng đơn vị ký xác nhận, đóng dấu).

3.1.2. Đánh giá CBQL-GV

- Hiệu trưởng triển khai thực hiện Công văn số 400/PGD&ĐT-TCCB ngày 06/5/2024 của Phòng GDĐT về việc nhận xét, đánh giá tập thể đơn vị, công chức, viên chức và người lao động năm học 2023-2024. Kết quả nhận xét, đánh giá GV,

⁹ Quyết định số 38/QĐ-MNVH ngày 15/8/2023; Quyết định số 32/QĐ-MNVH ngày 03/9/2024.

NV năm học 2023-2024: 02/13 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 11/13 hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Hiệu trưởng thực hiện đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; Công văn số 5568/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 06/12/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng CSGD mầm non; Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GV mầm non; Công văn số 5569/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 06/12/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GV mầm non. Kết quả đánh giá năm học 2023-2024, có 100% CBQL, GV đều được đánh giá về chuẩn đạt mức “Khá”.

Tuy nhiên, trong quá trình nhận xét, đánh giá viên chức năm học 2023-2024, Hiệu trưởng không có Thông báo kết quả nhận xét, đánh giá chung đối với tất cả viên chức trong đơn vị về dự thảo kết quả đánh giá của Hiệu trưởng mà thực hiện Thông báo cho từng cá nhân và làm kết quả đánh giá cuối năm; Hiệu trưởng chưa lưu trữ đầy đủ hồ sơ về đánh giá chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và GV (*chưa có Phiếu đánh giá chuẩn Hiệu trưởng của Phòng GDĐT, Phiếu đánh giá chuẩn Phó Hiệu trưởng của Hiệu trưởng*).

3.2. Về cơ sở vật chất trường, lớp học

- Trường có hai điểm, một điểm chính tại ấp Vĩnh Đức Đông (có 06 phòng học) và điểm lẻ ấp Bến Vựa Bắc xã Vĩnh Hòa (có 02 phòng học); 12 phòng chức năng bao gồm: phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng hành chính, văn phòng, phòng y tế, phòng NV, phòng nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất, phòng bảo vệ, nhà bếp, kho bếp, nhà kho.

Các phòng chức năng, phòng học được trang bị đầy đủ máy móc, trang bị thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo danh mục quy định để phục vụ việc quản lý, tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường.

- Về trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi:

Hằng năm, Nhà trường mua sắm và sử dụng đồ dùng, đồ chơi, học liệu, tài liệu theo quy định¹⁰; Phát động tốt phong trào làm đồ dùng dạy học, đồ chơi phục vụ cho hoạt động giáo dục, góp phần nâng tỉ lệ đồ dùng đồ chơi tại nhóm lớp. Mỗi phòng học đều được trang bị tivi phục vụ cho ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

¹⁰ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GDĐT ban hành danh mục đồ dùng-đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN; Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ GDĐT ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN; Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT Quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các CSGDMN...; Quyết định 3141/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2010 của Bộ GDĐT ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng-đồ chơi- thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN.

Đồ chơi ngoài trời tại điểm chính có trang bị trên 05 loại. Tuy nhiên, đồ chơi ngoài trời ở điểm lẻ ấp Bến Vựa Bắc chỉ có 02 loại, đang xuống cấp, chưa được bảo trì, sơn sửa kịp thời.

Tuy nhiên, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo danh mục tối thiểu quy định cấp cho các lớp 5 tuổi chỉ đạt trên 85% (theo qui định phải đạt 100%) và các lớp dưới 5 tuổi đạt 62%. GV tổ chức các hoạt động khai thác dụng cụ, đồ dùng, đồ chơi theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GDĐT về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN.

4. Thực hiện các qui định về thu, quản lý, sử dụng học phí và các nguồn lực tài chính

4.1. Thu, quản lý, sử dụng học phí

4.1.1. Thu học phí

- Năm học 2023-2024, Nhà trường thực hiện thu học phí theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 24/4/2024 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu học phí năm học 2023 - 2024 đối với các CSGD công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Công văn số 2545/SGD&ĐT-KHTC ngày 06/10/2023 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thu học phí năm học 2023-2024 trong các CSGD công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Công văn số 749/PGD&ĐT-KHTC ngày 09/10/2023 của Phòng GDĐT huyện Ba Tri về việc hướng dẫn thu học phí năm học 2023-2024 trong các trường mầm non, mẫu giáo và trung học cơ sở.

- Năm học 2024-2025, Nhà trường thực hiện thu học phí theo Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu học phí năm học 2024 - 2025 đối với các CSGD công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Công văn số 1945/SGD&ĐT-KHTC ngày 21/7/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thu học phí năm học 2024-2025 trong các CSGD công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Nhà trường tổ chức thực hiện thu học phí không dùng tiền mặt, hạch toán nguồn thu học phí trên cùng hệ thống sổ sách kế toán và thực hiện chi theo quy chế chi tiêu nội bộ đã thống nhất.

- Số liệu thu, chi từ năm 2023 đến tháng 11/2024¹¹.

4.1.2. Xét miễn giảm học phí

- Nhà trường xét miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số

¹¹ Năm 2023: số dư năm 2022 chuyển sang 50.622.278 đồng; thu trong năm: 109.027.500 đồng, cấp bù học phí 14.527.500đ; chi trong năm: 90.297.981 đồng; tồn chuyển sang năm 2024 83.879.297 đồng. Đến tháng 11/2024 số dư năm 2023 chuyển sang 83.879.297 đồng; thu trong năm 69.480.000 đồng, cấp bù học phí 12.862.000 đồng, chi trong năm 110.414.234 đồng; tồn cuối tháng 11/2024: 55.807.563 đồng.

81/2021/NĐ-CP).

- Số liệu học sinh được xét miễn giảm học phí¹².

4.2. Các nguồn lực tài chính khác

4.2.1. Nguồn thu dịch vụ bán trú

- Nhà trường căn cứ Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Bến Tre quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo của CSGD công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND), Công văn số 2112/SGD&ĐT-KHTC ngày 24/8/2023 của Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện thu, chi theo qui định Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND, Công văn số 1945/SGD&ĐT-KHTC ngày 21/7/2024 của Sở GDĐT về việc thực hiện các khoản thu, chi các nguồn thu hợp pháp trong các CSGD công lập năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch tổ chức và thu chi bán trú từng năm học¹³, có biên bản thống nhất với cha mẹ trẻ, mức thu theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND¹⁴. Tuy nhiên, trong Kế hoạch thu chi bán trú, Nhà trường xây dựng thu phụ phí (đảm bảo công tác vệ sinh bán trú) có nội dung chi mua giấy A4 là chưa đúng với tính chất nguồn thu (năm học 2023-2024, chi mua giấy A4 với số tiền 400.000đ; năm học 2024-2025 đến thời điểm thanh tra chi mua giấy A4 với số tiền 160.000đ).

- Nhà trường tổ chức thực hiện thu nguồn bán trú theo phương thức không dùng tiền mặt.

- Số liệu thu chi nguồn bán trú năm học 2023-2024 đến tháng 11/2024¹⁵.

4.2.2. Thu dịch vụ trông giữ trẻ trong thời gian hè

- Nhà trường xin chủ trương tổ chức trông giữ trẻ trong hè năm học 2023-2024¹⁶ theo nhu cầu của cha mẹ trẻ trên địa bàn và được Phòng GDĐT phê duyệt. Nhà trường xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện¹⁷, có biên bản thống nhất với

¹² Học kỳ II năm học 2022-2023 xét miễn: 16 trẻ; giảm: 24 trẻ; Năm học 2023-2024: học kỳ I xét miễn: 19 trẻ; giảm: 22 trẻ; Học kỳ I năm học 2024-2025 xét miễn: 78 trẻ (trẻ Mầm non 5 tuổi được miễn học phí); giảm: 10 HS.

¹³ Kế hoạch số 93/KH-MNVH ngày 05/09/2023 về việc thu chi bán trú năm học 2023-2024, Kế hoạch số 129/KH-MNVH ngày 04/9/2024 về việc thu chi bán trú năm học 2024-2025.

¹⁴ Tiền ăn: Nhà trẻ 25.000 đ/trẻ/ngày; Mẫu giáo 30.000đ/trẻ/ngày.

Tiền hoạt động bán trú 229.000đ/trẻ. Trong đó: Trả lương nhân viên nấu ăn 100.000đ/trẻ/tháng; Hỗ trợ trực trực 48.000đ/trẻ/tháng; Thu phụ phí 77.000đ/trẻ/tháng; Hỗ trợ nhân viên kế toán 4.000đ/trẻ/tháng.

Nước uống cho trẻ: 10.000đ/trẻ/tháng (năm học 2023-2024); 5.000đ/tháng (năm học 2024-2025).

¹⁵ Năm học 2023-2024: tồn năm trước chuyển sang 23.418đ, thu trong năm học (905.431.186đ), chi trong năm (905.333.130đ), tồn cuối kỳ: 98.056đ.

Năm học 2024-2025: tồn đầu kỳ (98.056đ), thu đến tháng 11/2024 (357.435.632đ), chi trong kỳ (328.176.223đ), tồn cuối tháng 11/2024 (29.357.465đ).

¹⁶ Tờ trình số 67/TTr-MNVH ngày 24/5/2024 về việc xin tổ chức trông giữ trẻ trong hè năm học 2023-2024 và được Phòng GDĐT Ba Tri cho chủ trương tại Công văn số 514/PGD&ĐT-GDMN ngày 29/5/2024.

¹⁷ Kế hoạch số 62/KH-MNVH ngày 20/05/2024 về việc tổ chức trông giữ trẻ trong thời gian hè năm học

cha mẹ trẻ mức thu theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND¹⁸. Tuy nhiên, trong Kế hoạch, trường chưa xây dựng dự toán kinh phí tổ chức thực hiện để cân đối các nội dung thu chi theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND.

- Số liệu thu chi năm học 2023-2024¹⁹.

4.2.3. Thu nguồn kinh phí Giáo dục tự chọn

a) Thu tổ chức cho trẻ làm quen tiếng Anh với người nước ngoài:

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh năm học 2023-2024²⁰ và tiến hành hợp đồng với Công ty TNHH đầu tư và phát triển giáo dục EA địa chỉ: 579B2, Khu phố 3, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre tổ chức giảng dạy. Mức thu theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND: 38.000đ/tiết/trẻ, tuy nhiên, trường chưa có biên bản thống nhất với cha mẹ trẻ về nội dung thu chi này và chưa xây dựng dự toán kinh phí tổ chức thực hiện để cân đối các nội dung thu chi theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND.

- Số liệu thu chi năm học 2023-2024²¹. Năm học 2024-2025 đang triển khai thực hiện.

b) Thu tổ chức Thể dục nhịp điệu:

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch tổ chức hoạt động thể dục nhịp điệu ngoài giờ chính khóa²² và tiến hành hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên HAPPY KIDS BẾN TRE; địa chỉ: 37C, Đại lộ Đồng Khởi, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Mức thu: căn cứ Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND có xem xét điều kiện thực tế địa phương: thu 10.000/tiết/trẻ. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có biên bản thống nhất với cha mẹ trẻ về nội dung thu chi này và Kế hoạch chưa xây dựng dự toán kinh phí tổ chức thực hiện để cân đối các nội dung thu chi theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND.

- Số liệu thu chi năm học 2023-2024²³; Năm học 2024-2025: Đang triển khai (chưa thu).

4.2.4. Các nguồn từ vận động, tài trợ

2023-2024.

¹⁸ Tiền ăn: Nhà trẻ 25.000 đồng/trẻ/ngày (tính thực tế ngày ăn); Mẫu giáo 30.000 đồng/trẻ/ngày (tính thực tế ngày ăn). Tiền nước uống (10.000 đồng/trẻ/tháng);

- Phụ phí: 30.000đ/trẻ/tháng.

- Thu dịch vụ trông giữ trẻ (không bao gồm tiền ăn, nước uống): 31.000 đồng/trẻ/ngày (tính thực tế ngày trẻ đi học).

¹⁹ Năm học 2023-2024: tồn đầu kỳ 00đ; thu trong kỳ (54.157.000đ); chi trong kỳ (52.045.800đ); tồn để hỗ trợ cơ sở vật chất (2.111.200đ).

²⁰ Kế hoạch số 122/KH-MN ngày 27/10/2023 thực hiện Chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh năm học 2023-2024.

²¹ Năm học 2023-2024: thu trong kỳ 39.976.000 đ, chi: 39.976.000 đồng; tồn: 00 đ.

²² Kế hoạch số 88/KH-MNVH ngày 25/8/2023 về tổ chức hoạt động thể dục nhịp điệu ngoài giờ chính khóa năm học 2023-2024.

²³ Năm học 2023-2024: thu 81.600.000đ, chi 81.200.000 đồng; tồn hỗ trợ điện nước 400.000đ

Nhà trường không tổ chức vận động xã hội hóa bằng tiền mà tiếp nhận hiện vật từ các mạnh thường quân ủng hộ các hoạt động của trẻ. Đến thời điểm thanh tra, tổng hiện vật trường tiếp nhận quy đổi thành tiền năm học 2023-2024: 32.900.000đ, năm học 2024-2025: 3.800.000đ; lưu trữ đầy đủ hồ sơ tiếp nhận.

4.3. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh (CMHS)

Đầu năm học, Nhà trường tổ chức Đại hội CMHS và bầu ra Ban đại diện CMHS lớp, trường. Từ năm học 2023-2024 đến thời điểm thanh tra, Ban đại diện CMHS trường không có vận động kinh phí hoạt động.

III. Kết luận về những nội dung đã tiến hành thanh tra

1. Ưu điểm

- Tổ chức bộ máy của nhà trường đúng quy định của Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT. Các tổ chức trong nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ đúng Điều lệ trường mầm non.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức khá tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo CT GDMN. Có giải pháp phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm theo quy định của Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thực hiện hạch toán tất cả các nguồn thu vào hệ thống sổ sách kế toán, thực hiện tốt chủ trương thu phí không dùng tiền mặt; tổ chức thu học phí và xét miễn giảm học phí, lưu trữ hồ sơ theo quy định; Các khoản thu dịch vụ bán trú và các hoạt động giáo dục tự chọn thực hiện theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND.

- Hiệu trưởng thực hiện tốt các quy định về công khai.

*** Nguyên nhân của ưu điểm:**

- Đội ngũ CBQL, GV đủ để thực hiện nhiệm vụ quản lý, giảng dạy trong nhà trường theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các CSGDMN công lập; phân công GV phù hợp trình độ chuyên môn, năng lực, sở trường của GV.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học, tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

2. Hạn chế

2.1. Tổ chức và hoạt động giáo dục của nhà trường

- Xây dựng bộ máy, tổ chức: Quyết định công nhận Hội đồng trường không có quy định nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng trường.

- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ: Nội dung kế hoạch kiểm tra chưa có trọng tâm, trọng điểm, còn dàn trải; các cuộc kiểm tra chưa chặt chẽ về quy trình; nội dung các văn bản trong hồ sơ kiểm tra chưa ghi cụ thể kết quả kiểm tra, xác minh mà đã kết luận.

Để xây ra các hạn chế, thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

2.2. Thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Một số kế hoạch tổ chức công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ khi xây dựng chưa đảm bảo thể thức theo qui định; Căn cứ xây dựng Kế hoạch thực hiện CT GDMN chưa cập nhật văn bản dẫn đến chưa tuân thủ đầy đủ cấu trúc và cách trình bày theo Thông tư số 51/2020/BGDĐT; một số chỉ tiêu chưa phù hợp với tình hình chung của huyện và đơn vị; việc huy động trẻ vào trường mầm non còn thấp; việc sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học chưa đi vào chiều sâu; một số hoạt động trong việc tổ chức công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ chưa xây dựng kế hoạch cụ thể, làm giảm hiệu quả giáo dục, phát triển kỹ năng cho trẻ.

Để xảy ra các hạn chế, thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn và các GV có liên quan.

2.3. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Hồ sơ viên chức chưa được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV; chưa lưu trữ đầy đủ hồ sơ về đánh giá chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và GV

- Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo danh mục tối thiểu quy định cấp cho các lớp 5 tuổi chỉ đạt trên 85% (theo qui định phải đạt 100%). Đồ chơi ngoài trời điểm lẻ còn thiếu, xuống cấp, chưa sửa chữa kịp thời.

Để xảy ra các hạn chế, thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng.

2.4. Thực hiện các quy định về thu, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính

- Nhà trường chi từ nguồn thu phụ phí (đảm bảo công tác vệ sinh bán trú, có nội dung chi mua giấy A4 phục vụ công tác bán trú) là chưa đúng với tính chất nguồn thu; chứng từ chi nguồn bán trú sắp xếp chưa khoa học.

- Chưa có biên bản thống nhất với cha mẹ trẻ khi triển khai việc tổ chức dạy cho trẻ làm quen tiếng Anh với người nước ngoài và thể dục nhịp điệu.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức trông giữ trẻ trong hè chưa dự toán cụ thể nguồn thu chi để cân đối các nội dung thu chi theo Nghị quyết số 24/2021/NQ- HĐND.

Để xảy ra các hạn chế, thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng và nhân viên Kế toán.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: Không có

V. Kiến nghị biện pháp xử lý

1. Đối với Hiệu trưởng Trường Mầm non Vĩnh Hòa

1.1. Đối với bộ máy tổ chức

- Tham mưu với Phòng GDĐT, UBND huyện trong việc ban hành Quyết định công nhận Hội đồng trường đảm bảo đúng theo quy định (*nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng trường là 05 năm*).

- Xây dựng Kế hoạch kiểm tra nội bộ có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; Tổ chức cuộc kiểm tra chặt chẽ về qui trình.

1.2. Đối với công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ

- Xây dựng các kế hoạch tổ chức công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ có nội dung cụ thể, phù hợp với tình hình chung của huyện và thực tế nhà trường, đảm bảo tính khả thi, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- Thực hiện đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, tăng cường hoạt động thảo luận chuyên môn trong sinh hoạt TCM, thường xuyên tham gia sinh hoạt TCM để kịp thời định hướng, tháo gỡ khó khăn.

1.3. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a. Về đội ngũ:

- Tham mưu lãnh đạo Phòng GDĐT ban hành đánh giá chuẩn Hiệu trưởng (*biểu mẫu 04*) năm học 2023-2024 để lưu hồ sơ tại đơn vị.

- Thực hiện đánh giá chuẩn Phó Hiệu trưởng (*theo biểu mẫu 04*) năm học 2023-2024 để lưu hồ sơ; sắp xếp, lưu trữ hồ sơ còn thiếu về đánh giá viên chức và đánh giá chuẩn hàng năm đối với GV (*biểu mẫu 03, 04, 05*) đúng theo quy định.

b. Về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học – giáo dục:

Tiếp tục cân đối nguồn kinh phí chi thường xuyên để mua sắm, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, học liệu theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GDĐT ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN; Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ GDĐT ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN; Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT Quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các CSGDMN...; Quyết định 3141/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2010 của Bộ GDĐT ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN...; có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời các thiết bị hư hỏng, xuống cấp.

1.4. Thực hiện các quy định về thu, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính

- Thu hồi khoản chi mua giấy A4 từ nguồn phụ phí (đảm bảo công tác vệ

sinh bán trú) năm học 2023-2024 với số tiền 400.000đ và năm học 2024-2025 với số tiền 160.000đ chưa đúng với tính chất nguồn thu theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND.

- Hiệu trưởng rút kinh nghiệm việc xây dựng Kế hoạch tổ chức thu chi và chi mua giấy A4 (phục vụ công tác bán trú); điều chỉnh Kế hoạch chi từ nguồn phụ phí (đảm bảo công tác vệ sinh bán trú) theo đúng tính chất nguồn thu; sắp xếp lưu trữ chứng từ nguồn bán trú khoa học.

1. 5. Xây dựng kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra

Tổ chức rút kinh nghiệm tất cả những ưu điểm, hạn chế được nêu trong kết luận thanh tra; xây dựng các phương án thực hiện kết luận thanh tra, trong đó nêu rõ tiến độ và báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra gửi về Thanh tra Sở GDĐT chậm nhất 45 ngày kể từ ngày Kết luận thanh tra được ban hành.

2. Đối với Phòng GDĐT huyện Ba Tri

Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND huyện ban hành văn bản chỉ đạo cho các cơ sở giáo dục công lập triển khai thực hiện tốt các khoản thu, chi đúng theo qui định tài chính; tăng cường công tác kiểm tra tài chính các CSGD công lập trực thuộc UBND huyện.

3. Đối với Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri

- Chỉ đạo Hiệu trưởng Trường mầm non Vĩnh Hòa xây dựng phương án và tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra, các yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra về Sở GDĐT để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thủ trưởng các cơ sở giáo dục trực thuộc trong địa bàn huyện để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ GDĐT
- Thanh tra tỉnh Bến Tre } (để báo cáo);
- Giám đốc
- Phó GD Bùi Minh Nhật (để báo cáo);
- Trường MN Vĩnh Hòa (để thực hiện);
- UBND huyện Ba Tri (để phối hợp);
- Phòng GDĐT Ba Tri (để theo dõi);
- Phòng GDMN-TH Sở (để biết);
- Lưu: VT, HSTTra, sao 4b; đăng Công thông tin Sở GDĐT; được sao chụp sau khi công khai Kết luận.



CHÁNH THANH TRA

Phạm Văn Hùng